

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày: 25-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và bà Đồng Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui và bà Trần Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2023/TLST-HS ngày 30/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/HSST-QĐ ngày 27/12/2023 đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh năm 1983 tại huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư T1, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ là: Hoàng Thị T và 1 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2023 đến nay tại Trại giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH T

Địa chỉ: nhà xưởng A3-A4, khu công nghiệp P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Li - Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hương G, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Những người làm chứng: Anh Phan Như L, anh Dương Mạnh T, anh L Văn S, ông Hoàng Xuân M và bà Vũ Bích H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2020, Trần Văn D ký hợp đồng lao động làm công nhân lái xe nâng tại Công ty TNHH N có địa chỉ: Nhà xưởng A3-A4 khu công nghiệp P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Công việc D phải làm là thực hiện công việc đảm nhiệm trong bộ phận và các công việc khác do cấp trên giao phó. Đầu tháng 01/2023, chị Vũ Bích H là trưởng phòng Bộ phận kho của Công ty TNHH Năng lượng mới Thịnh Thiên Việt Nam phân công Dũng làm Tổ trưởng kho lạnh (gồm kho lạnh 1, kho lạnh 2). Theo sự phân công của chị H, D có trách nhiệm nhập hàng vào kho lạnh khi có hàng về; xuất hàng lưu giữ trong kho cho các dây chuyền sản xuất theo kế hoạch sản xuất; quản lý nguyên vật liệu phục vụ sản xuất còn được lưu trữ tại kho; tổng hợp số lượng, chủng loại của từng mặt hàng là nguyên liệu phục vụ sản xuất đang lưu trữ trong kho lạnh và báo cáo về Trưởng phòng bộ phận kho để tập hợp báo cáo lãnh đạo Công ty; trong quá trình quản lý nguyên vật liệu trong kho mà để xảy ra thất thoát thì D phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Công ty; D không được quyền tự ý xuất kho, vận chuyển nguyên vật liệu đã được giao quản lý ra khỏi kho, không được tự ý định đoạt số nguyên vật liệu đang được lưu trữ tại kho thuộc quyền quản lý. Trong thời gian làm Tổ trưởng kho lạnh, D nhiều lần nhập kho, xuất kho nguyên vật liệu sản xuất. Sau mỗi lần nhập, xuất kho, D tự mình kiểm kê hàng hóa còn được lưu trữ tại kho lạnh đồng thời định kỳ phối hợp với người có liên quan kiểm kê hàng hóa đã nhập, xuất kho, hàng hóa hiện còn tồn đang được lưu trữ tại kho lạnh. Các lần nhập, xuất kho, chủng loại, số lượng hàng hóa phù hợp với lịch sử nhập, xuất, chủng loại, số lượng hàng hóa được lưu trữ. Ngày 29/4/2023, Công ty TNHH N tiến hành kiểm kê kho định kỳ có sự tham gia của D xác định các mặt hàng lưu trữ tại kho lạnh do D quản lý gồm: Dây hàn loại 0,3mm còn 750kg, dây hàn loại 0,35mm còn 2.375,5kg, dây hội tụ loại 0,4*4mm còn 764kg, dây hội tụ loại 0,35*6mm còn 230kg. Ngày 02/5/2023, D làm ca đêm một mình tại Kho lạnh (từ 20 giờ ngày 02/5/2023 đến 08 giờ ngày 03/5/2023). D nảy sinh ý định lấy các dây hàn và dây hội tụ của Công ty TNHH N đem bán lấy tiền tiêu

sai vào mục đích cá nhân. Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, D sử dụng điện thoại di động Iphone 8 của D gọi điện cho anh Dương Mạnh T là người làm nghề thu mua phế liệu ở khu G, thị trấn P, huyện K hỏi giá thu mua đồng. Do bận công việc gia đình nên anh T báo giá đồng tùy theo từng loại và từ chối không trao đổi mua bán đồng với D. Lúc này, D nhờ anh T xem có quen biết ai có xe ô tô chở hàng thuê thì cho D xin số điện thoại. Anh T cho D số điện thoại của anh Phan Như L làm nghề lái xe chở hàng thuê. Sau khi có số điện thoại của anh L, khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, D gọi điện cho anh L thuê anh L chở các thùng bìa cát tông đựng các dây hàn và dây hội tụ đi bán (D nói dối anh L chở hàng giấy và sắt vụn). Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh L điều khiển xe ô tô tải biển số 16N-6062 của anh L đi theo sự chỉ dẫn của D đến ngã ba đường trong Khu công nghiệp P, cách cổng chính của Công ty TNHH N khoảng 100 mét rồi đỗ xe chờ D. Dúng vào kho lạnh 2 của Công ty, điều khiển xe nâng vận chuyển một pallet bên trên có 17 thùng cát tông chứa các cuộn dây hàn loại 0,35mm có tổng trọng lượng là 375,9kg; 05 thùng cát tông chứa các cuộn dây hàn loại 0,3mm có tổng trọng lượng là 207,4kg; 02 thùng bìa cát tông chứa các cuộn dây hội tụ loại 0,4*4mm có tổng trọng lượng là 89,64kg và 01 cuộn dây hội tụ loại 0,35*6mm có trọng lượng 11,98kg được phủ kín phía ngoài bằng bạt nhựa màu xanh. D điều khiển xe nâng chở các thùng cát tông trên đi qua chốt bảo vệ đến khu vực đã hẹn trước với anh L, rồi đặt pallet bên trên có các thùng cát tông được phủ bạt màu xanh nêu trên lên thùng xe ô tô của anh L. (theo quy định của lãnh đạo Công ty, đối với các xe nâng vận chuyển hàng hóa qua chốt bảo vệ thì bảo vệ không được kiểm tra). Sau đó bảo anh L số chở đến nhà anh T, mục đích để hỏi giá, nếu được giá thì bán số nguyên vật liệu trên. Lúc này, anh L điều khiển xe ô tô đi trước còn D điều khiển xe nâng quay lại Công ty rồi mượn xe máy biển số 15B2-225.02 của anh Lê Xuân S, sinh năm 1997 là công nhân làm cùng Công ty với D đi theo sau. Khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi anh L điều khiển xe ô tô trên đi ra đến đường ra vào cảng thủy nội địa thuộc thị trấn P thì bị Tổ công tác 151 thuộc Công an huyện Kim Thành kiểm tra, yêu cầu anh L xuất trình hóa đơn chứng minh nguồn gốc của số hàng trên xe. Anh L gọi điện thoại cho D đến làm việc với Tổ công tác 151, D khai nhận số hàng hóa trên xe tải của anh L là do D lấy từ Công ty TNHH N đem ra ngoài để bán. Tổ công tác 151 đã tiến hành thu giữ các cuộn dây hàn và dây hội tụ bên trong các thùng cát tông do D chiếm đoạt của Công ty TNHH N nêu trên cùng chiếc xe ô tô tải biển số 16N-6062 và chiếc xe máy biển số 15B2-225.02.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kim Thành ngày 08/8/2023 kết luận: 375,9kg dây hàn loại 0,35mm trị giá 134.074.009 đồng; 207,4 kg dây hàn loại 0,3mm trị giá 74.535.201 đồng; 89,64 kg dây hội tụ loại 0,4*4mm trị giá 30.689.687 đồng; 11,98 kg dây hội tụ loại 0,35*6mm trị giá 3.624.896 đồng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 của D sau khi liên lạc với anh T và anh L, D đã làm mất nên không thu giữ được. Ngày 03/5/2023 và 06/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành trả lại Công ty TNHH N 684,92kg dây hàn và dây hội tụ bị chiếm đoạt; trả lại anh Phan Như L chiếc xe ô tô tải biển số 16N-6062 và anh Lê Xuân S chiếc xe máy biển số 15B2-225.02. Công ty TNHH N không yêu cầu D phải bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số: 98/CT-VKS ngày 27/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Văn D về tội "Tham ô tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình.

Bị hại xác định đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND huyện Kim Thành giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353, Điều 38, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 8 năm 6 tháng tù đến 9 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Thành, Điều tra viên, VKSND huyện Kim Thành, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trần Văn D là Tổ trưởng kho lạnh thuộc công ty TNHH N có địa chỉ tại nhà xưởng A3-A4, khu công nghiệp P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nhiệm vụ của D là quản lý nguyên vật liệu phục vụ sản xuất lưu trữ tại kho lạnh. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, ngày 02/5/2023, D đã chiếm đoạt 684,92 kg dây hàn, dây hội tụ các loại, có tổng trị giá 242.923.793 đồng nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trên đường chở đi tiêu thụ, D đã bị lực lượng 151 của Công an huyện Kim Thành phát hiện và thu giữ toàn bộ tài sản nêu trên.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi thực hiện là trái pháp luật nhưng vẫn lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý với giá trị là 242.923.793 đồng nên hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “***Tham ô tài sản***” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND huyện Kim Thành truy tố cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn. Vì vậy, hành vi trên của bị cáo phải bị xử lý nghiêm và cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên tại quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt đã bị thu hồi ngay, chưa gây thiệt hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: bị cáo là nhân viên ký hợp đồng với doanh nghiệp như một lao động phổ thông, không phải là đối tượng có chức vụ, quyền hạn nằm trong nhóm có nguy cơ tham nhũng cao, chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hay cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện của VKS tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ và trả lại cho bị hại. Đại diện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, Điều 38, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn D phạm tội "Tham ô tài sản".
2. Xử phạt bị cáo Trần Văn D **8 (tám)** năm **6 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về án phí: bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Cơ quan CSĐT – CA huyện Kim Thành;
- Bộ phận HSNV – CA huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bị hại;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà

